

# Huế 1945: vài sự kiện đáng ghi

Tôn Thất Thiện

Đối với những người tự coi là con em xứ Huế, sinh ở Huế, trưởng thành ở Huế, năm 1945 có thể coi như là một gạch lớn chia hai cuộc đời: “trước 1945” và “sau 1945” là hai giai đoạn riêng biệt và rất khác nhau, hai giai đoạn không thể so sánh được vì thuộc về hai thế giới khác nhau. Trước năm 1945 họ được sống những ngày êm đềm vui thích, trong một khung cảnh cổ kính vừa mỹ lệ, vừa oai nghi trong một thế giới có tôn ti trật tự, đạo lý kỷ cương: một thế giới biết Nhân, Lễ, Nghĩa; biết Thành, Tín; biết Trí, Dũng; biết Từ Bi Bác Ái. Sau năm 1945, họ phải sống trong một thế giới mà ngày đêm ai cũng phải ưu tư lo sợ vì không biết lúc nào mình sẽ thành một nạn nhân của bom đạn, bạo lực, mê muội, và một xã hội càng ngày càng xa nhân đạo và mang nặng thú tính.

Vì lý do trên, trong những kỷ niệm của tôi về Huế những gì xảy ra năm 1945 luôn luôn chiếm một phần lớn. Hơn nữa, nếu nhìn lui với cái nhìn một sử gia, đối với tôi, năm 1945 là năm quan trọng nhất của lịch sử Việt Nam trong nửa thế kỷ vừa qua, vì những quyết định năm đó của những người cầm quyền các cường quốc, hoặc thắng trận - Mỹ, Tàu, Pháp, Anh, Nga - hoặc bại trận - Nhật -, và của những người cầm quyền ở Việt Nam.

Năm 1945, tôi tuy vừa 21 tuổi nhưng được cái may ở gần một số nhân vật có trọng trách về Việt Nam nên được mục kích, hay biết về, một số sự kiện có một tầm quan trọng nào đó.

Thi đậu tú tài II mùa hè 1944, và tháng 9 năm đó, tôi đi Hà Nội để vào đại học. Sự kiện này xảy ra trước 1945, nhưng thấy cần kể lại vì nó dính liền với những sự kiện xảy ra không bao lâu sau đó. Đi Hà Nội hồi đó là chạm trán trực tiếp với thực tại chiến tranh. Mua vé hỏa xa đi Hà Nội rất gay go. Phải chờ đợi, chạy chọt mãi mới mua được cái vé. Lý do: chỗ ngồi hạn chế, vì số toa tàu hạn chế. Nhiều cầu bị Mỹ ném bom sập; từ Huế đi Hà Nội có cầu Đê Lương, vùng Nghệ An. Vì xe hỏa không qua được, phải đi ghe qua sông, và sau đó, phải ngủ lại một đêm ở Vinh. Xống thuyền qua sông thì không có vấn đề gì, nhưng lúc đó tôi phải còn vác theo cái xe đạp để ra Hà Nội có phương tiện di chuyển; và lại phải lo cho bà mẹ Bác sĩ Tôn Thất Tùng. Hồi đó Bác sĩ Tùng chưa liên hệ gì

với chính phủ ông Hồ; ông và tôi vừa là láng giềng ở Huế, vừa là bà con, rất thân nhau trên bình diện cá nhân; ở Hà Nội tôi thường ở nhà ông ấy.

Chuyến đi này cũng là lần đầu trong đời tôi bị một “bà đầm” xạc. Tới Vinh tôi điện thoại báo cho ông Tùng biết là bà mẹ ông ngày hôm sau mới đến được vì đang mắc kẹt ở Vinh. Khi xin được điện thoại thì bị bà đầm phụ trách “xạc” tại sao không nói “méc xi”. Hồi đó, điện thoại còn phải quay qua điện đài và “xin gọi”, và chỉ có mấy cô đầm lai mới được làm điện thoại viên, vì phải biết cả hai thứ tiếng, và vì đó là cách cho họ có công ăn việc làm. Nhiều cô đầm lai chẳng có học thức bao nhiêu nên ngoài những việc như thế, khó kiếm được việc nào khác. Nhưng là “đầm” thì họ cho là có quyền hống hách với “An na mít”. Nhắc sự kiện này vì đây là lần đầu và duy nhất trong đời, tôi là “nạn nhân” trực tiếp của sự hống hách của thực dân Pháp.

Trong thời gian học ở Hà Nội, tôi ở Học xá sinh viên mới xây xong. Tôi và anh tôi ở chung phòng với những người sau này tôi mới biết là “Việt Minh”, và được giữ chức quan trọng trong chính quyền Cộng Sản. Hồi đó, là sinh viên, bạn học của anh tôi, họ hoàn toàn không đề cập gì đến “Việt Minh” hay “Cộng Sản”, cũng không bàn về chính trị. Họ chỉ yêu cầu tôi hai việc: buổi sáng dậy lo nấu xôi cho cả phòng ăn sáng, và mỗi ngày đọc tiếng Anh cho họ nghe cho quen tai.

Thời gian tôi học đại học Hà Nội rất ngắn, vì ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp. Trong thời gian này có ba sự kiện thấy cần ghi lại. Trong tuần lễ tiếp theo cuộc đảo chánh, Học xá thành một nơi quan trọng. Tổng hội sinh viên lúc đó là tổ chức duy nhất được Nhật cho hoạt động chính thức (để nhờ giúp trong việc cứu thương, vì lúc đó Mỹ hay thả bom) nên có nhiều người dân đến nhờ chúng tôi can thiệp việc này việc khác (họ gọi chúng tôi là “các quan”). Lúc đó Lưu Hữu Phước viết bản nhạc “Tiếng Gọi Thanh Niên” và tôi là người đánh máy lời nhạc để phổ biến vì tôi thạo về đánh máy chữ.

Chừng một tuần sau ngày Nhật đảo chánh, tôi và một người nữa (anh Lê Đình Tạo, người Huế, trắng

sinh hướng đạo, anh của Lê Đình Dũ, bạn học một lớp với tôi) được ông Hoàng Đạo Thúy (trưởng hướng đạo ở Bắc Việt) nhờ mang bức thư mật cho ông Tạ Quang Bửu ở Huế. Vì Nhật chặn hết xe hỏa nên phải đi xe đạp. Lúc đó là thanh niên, đạp xe đạp 654 cây số đối với tôi chẳng thấm gì, vả lại có dịp về Huế gặp ông Bửu nên tôi không do dự gì cả. Lo là lo về cái thư “mật”, đi đường có thể bị người ta (không biết là ai) hay Nhật khám phá, và thứ đến là cướp (đèo Ngang, trường Nhà Hồ, có tiếng là những nơi “có đạo tặc”). Mỗi người được phát một cây dao găm để hộ thân và một tấm giấy “con rồng” (\$500 hồi đó) làm lộ phí.

Anh Tạo và tôi vui vẻ lên đường, ngày đạp đêm ngủ lại Nam Định, Thanh Hóa, Vinh, Đồng Hới, Quảng Trị, Huế. Trừ Nam Định, đâu cũng có nhà bạn nên mọi việc êm suốt. Theo tục lệ Việt Nam, chẳng cần báo trước gì hết, cứ đến nhà quen, dựng xe vào tường xong là được tiếp rước niềm nở giản dị.

Đến Huế vào khoảng 10 giờ sáng ngày thứ sáu. Anh Tạo ngưng lại gần Huế, (nhà anh trên đường đi Quảng Trị, cách Huế 6-7 cây số gì đó) tôi đi thẳng đến nhà ông Bửu đưa thư. Chắc thư nhắc gì với Hoàng đế Bảo Đại (có thể là tuyên truyền cho Việt Minh, hay bàn chuyện Hoàng Đế thoái vị), nên đọc thư xong, ông Bửu nói: “Thiện không vô gặp ông Bảo Đại được đâu (để đưa thư ni?). Để tui làm”.

Tôi nói với ông Bửu: “Anh nói cho Ngài biết là Việt Minh chẳng có thực lực chi mô; họ chỉ giỏi tuyên truyền thôi”.

Ba ngày sau, ông Bửu gọi tôi và bảo tôi trở lại Hà Nội với một bức thư trả lời. Thư nói gì tất nhiên tôi không biết. Thế là tôi với anh Tạo lại lên xe, đạp 654 cây số nữa trở lại Hà Nội.

Đến Hà Nội tôi trao thư cho người đại diện ông Thúy. Nghỉ được mấy ngày, anh tôi và mấy người bạn khác quyết định về Huế. Thế là trong vòng không đầy ba tuần tôi đạp xe đạp Hà Nội-Huế ba lần, gần 2000 cây số! Sứ mạng là đưa thư qua lại giữa những chính khách Huế và Hà Nội. Thư nói gì tôi không được biết, nhưng sau này nghiên cứu sử về giai đoạn đó, tôi đoán là có liên quan đến việc H.Đ. Bảo Đại thoái vị vào tháng 8 /1945 và trao quyền cho Hồ Chí Minh.

Anh tôi và tôi về đến Huế vào khoảng cuối tháng 3. Lúc này Hoàng đế Bảo Đại, không liên lạc được với ông Diệm, đã mời ông Trần Trọng Kim lập chính phủ. Trong chính phủ này, ông Phan Anh được mời làm Tổng trưởng Thanh Niên với ông Tạ Quang Bửu làm Đặc ủy viên. Ông Bửu cho tôi biết hai chuyện. Ông đã gặp Hoàng đế Bảo Đại trước khi nhận chức và Hoàng Đế đã nói với ông: “Je vais jouer la carte

Américaine. Les Français ne cherchent qu'à remplir leurs poches” (Tôi sẽ chơi lá bài Mỹ. Người Pháp chỉ biết lo cho đầy túi họ thôi). Câu nói rất hay và đầy ý nghĩa. Tôi cho rằng đó là con đường đúng. Nó làm cho tôi phấn khởi (1).

Ông Tạ Quang Bửu đề cử tôi làm bí thư cho ông Phan Anh và ông này chấp nhận. Vậy là tôi phải chuẩn bị để nhận việc khi có nội các, vào khoảng hai ba tuần nữa, nghĩa là sau lễ Phục Sinh.

Trong thời gian làm việc ở Bộ T.N., có ba sự kiện tôi cho là đáng ghi. Tôi, nhân viên trẻ nhất, cùng với hai ông Phan Anh và Tạ Quang Bửu là những người không phải đảng viên ĐCS, đa số nhân viên khác lúc đó là đảng viên hay có liên hệ với đảng. Điều này về sau, lúc họ lộ diện hoạt động công khai sau tháng 8 tôi mới biết. Có nhiều người là nhân vật hàng đầu của ĐCS, sau này giữ những chức vụ quan trọng.

Sự kiện thứ hai là Bộ Thanh Niên là một bộ quốc phòng trá hình. Ông Bửu là người phụ trách về trường “Thanh niên tiền tuyến”. Trường này thật sự là một trường huấn luyện sĩ quan. Phải làm như vậy vì lúc đó Nhật không cho chính phủ Trần Trọng Kim có bộ quốc phòng và quân đội. Nhân dịp này tướng nên nhấn mạnh, đây là Nhật đã vô tình mở đường cho ĐCS chiếm chính quyền để dâng sau khi họ đầu hàng vì lúc đó chính quyền Bảo Đại hoàn toàn không có quân lực. Trước khi lên đường đi Hà Nội để điều đình với Đồng Minh, ông Phan Anh đã điện cho tất cả thủ lãnh các tổ chức thanh niên phải chuẩn bị khí giới để chống Pháp. Đây là quyết định cuối cùng của Bộ Thanh Niên, mà tôi là người phụ trách đánh máy và gửi bức điện văn.

Sự kiện thứ ba là Bộ Thanh Niên cũng phần nào đóng vai trò một Bộ Ngoại Giao vì uy tín của hai ông Phan Anh và Tạ Quang Bửu. Nó là nơi xuất phát những điện văn Hoàng đế Bảo Đại gửi cho các quốc trưởng Đồng Minh - Truman, Stalin, Churchill, de Gaulle, Chiang Kai Shek - Chắc là các điện văn này do tay ông Phan Anh thảo, vì sau đó tôi phải dịch ra tiếng Anh để gửi đi; vì nếu ông Bửu thảo thì ông đã viết trực tiếp bằng tiếng Anh. Ngày 19 tháng 8, ông Bửu cho tôi biết là ngày hôm sau ông và ông Phan Anh sẽ đi Hà Nội, lấy máy bay đi Chungking để gặp Đồng Minh. Như vậy nghĩa là việc này, nếu không bàn với ông Trần Văn Chương, lúc đó chính thức là Tổng trưởng Ngoại Giao, ít nhất phải có bàn với Hoàng đế Bảo Đại và có sự chấp thuận vì hai vị này ra đi với danh nghĩa đặc phái viên của Hoàng Đế. Ông Bửu không nói với tôi Nhật có thỏa thuận việc này và có chịu cấp máy bay cho mấy ông hay không. Theo tôi nghĩ, phải có sự đồng tình của Nhật mới thực hiện ý

định này được, nếu không ra đến Hà Nội, không có máy bay, cũng bó giò.

Việc hai ông Phan Anh và Tạ Quang Bửu đi Chungking gặp Đồng Minh không thành vì đã quá trễ! Hai ông đi chưa được nửa đường, đến Quỳnh Lưu (Nghệ An) thì xe bị “cách mạng” chặn và giữ lại. Sau sự thoái vị của H.Đ. Bảo Đại, hai ông không còn đường nào khác, và vì có quen biết với ông Võ Nguyên Giáp, nên nhận lời hợp tác với chính phủ Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 8, Hoàng đế Bảo Đại quyết định thoái vị, và ngày 25, trao ấn kiếm cho Trần Huy Liệu, đại diện Hồ Chí Minh, tại cửa Ngọ Môn.

Tôi là một trong mấy ngàn người mục kích cuộc “lễ” trao ấn kiếm nói trên. Đứng dưới bãi cỏ trước cửa Ngọ Môn, hồi đó là một thanh niên 21 tuổi, tôi có cảm nghĩ gì? Cũng như tất cả những người trong đám đông, tôi bị xúc động mạnh. Tuy không khóc sùi, nhưng tôi cũng lẩm bẩm mấy chữ: “Rúa là hết!”

Đúng vậy: sau 420 năm tranh đấu và xây dựng, sau 9 đời chúa và 10 đời vua, nhà Nguyễn chấm dứt. Hoàng đế Bảo Đại từ nay chỉ còn là “Cựu Hoàng” hoặc “Vĩnh Thụy”. Huế không còn là “kinh đô” nữa, và trở thành “cố đô”.

Sự thoái vị của Cựu Hoàng Bảo Đại có những hậu quả lớn lao đến ngày nay, nửa thế kỷ sau, vẫn chưa lường hết được. Một phần của những hậu quả đó đã được đề cập đến trong các sách viết về Việt Nam. Một phần còn chưa thấy hết được, vì dân chúng Việt Nam, những người đang sống tha hương cũng như những người trong xứ, đang khám phá dần dần.

Trong hồi ký, *Le Dragon d'Annam* (Con Rồng Việt Nam) (2), Cựu Hoàng có kể lại chi tiết những sự kiện và ý nghĩ đã đưa Cựu Hoàng đến quyết định đó, tưởng khỏi nhắc lại đây. Tôi chỉ đưa ra vài nhận xét trong bối cảnh những thái độ và hành động của những người lãnh đạo quốc nội và nhất là quốc tế, trong thời gian trước và sau năm 1945, tôi nghĩ rằng có tính cách quyết định lịch sử Việt Nam trong 50 năm qua.

Cựu Hoàng Bảo Đại đã phạm hai sai lầm. Một là ngày 22/8/1945, khi Nhật phái một đại tá đến trình Cựu Hoàng biết là theo lệnh của Bộ chỉ huy Đồng Minh, người Nhật phải giữ nguyên trạng cho đến khi đại diện Đồng Minh đến, và như vậy họ có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho Cựu Hoàng. Thay vì bảo họ nếu được lệnh Đồng Minh thì cứ thi hành, Cựu Hoàng lại từ chối và ký giấy có đóng ấn giải trừ trách nhiệm đó của Nhật. Quyết định này vô hiệu hóa lực lượng duy nhất có thể duy trì nguyên trạng ở phía bắc vĩ tuyến 17 và ngăn cản những lực lượng do Cộng Sản điều khiển cướp chính quyền trước khi Đồng Minh đến. Ở

phía nam vĩ tuyến 17, không những Nhật tiếp tục giữ quyền hành cho đến khi đại diện Đồng Minh đến, mà còn hành quân giúp Đồng Minh đẩy lui lực lượng do Cộng Sản kiểm soát ra khỏi vùng Sài Gòn nữa.

Sai lầm thứ hai là quyết định thoái vị và trao ấn kiếm, nghĩa là quyền hành chính thức, cho ông Hồ ngày 25 tháng 8 năm 1945. Sự kiện này tạo cho ông Hồ một thế quốc nội và quốc tế rất mạnh mà khỏi tốn gì cả. Điều mỉa mai ở đây là lúc đó ông Hồ cũng “chơi lá bài Mỹ”, và thành công nhờ sự thoái vị của Hoàng đế Bảo Đại, nhưng sau này, ông ta lại tố Cựu Hoàng là “tay sai của Mỹ”! Về đối nội, khi Hoàng Đế đã ra đi và đã chính thức và công khai trao quyền cho ông Hồ thì ai không theo hay có chống Cộng Sản cũng bó tay; không còn con đường nào khác là hợp tác với chính phủ ông Hồ nếu muốn tranh đấu cho độc lập xứ sở. Họ không thể đứng ngoài được vì, lúc đó, bất động là thờ ơ với xứ sở. Về phương diện quốc tế, các đại diện Đồng Minh đến Việt Nam không thể từ chối giao thiệp với chính phủ ông Hồ và công nhận ông ta, ít nhất là de facto, vì ông ta đã nắm thực quyền, ít nhất là ở Hà Nội, và không những không có sự chống đối, mà lại được sự chấp nhận, của Hoàng đế Bảo Đại.

Cựu Hoàng giải thích rằng vì muốn tránh một sự đổ máu, lại nữa trong khi Cựu Hoàng đánh điện cho các nguyên thủ quốc gia trên thế giới, không được ai đáp ứng thì ông Hồ lại được sự ủng hộ của Hoa Kỳ và Đồng Minh. Sau này, Cựu Hoàng mới biết mình bị lừa. Như đã viết trong hồi ký: “Tất cả những ai gần ông ta (Hồ Chí Minh) đều tự lừa hay đã bị lừa. Người Mỹ, rồi Sainteny, thêm tôi nữa...” (Con Rồng Việt Nam, tr. 243) Lúc đó đã trễ rồi, và trong công cuộc tháo gỡ hậu quả sai lầm ấy lại phải đổ máu rất nhiều mà rốt cục chẳng đi đến đâu.

Là nguyên thủ quốc gia toàn quyền lúc đó, Cựu Hoàng tất nhiên có trách nhiệm những gì xảy ra cho Việt Nam. Nhưng nếu xét kỹ ra thì Cựu Hoàng, cũng như toàn dân Việt Nam, “bên này” cũng như “bên kia” - ngoại trừ những người Cộng Sản cuồng tín - chỉ là nạn nhân của những lỗi lầm của các nhà chức trách quốc tế, nhất là Nhật và Mỹ, năm 1945.

Người mang trách nhiệm trước nhất về những gì xảy ra cho dân Việt Nam (và dân Mỹ) từ 1945 đến nay là cố Tổng thống Roosevelt, kế đó cố Tổng thống Truman. Ông Roosevelt là người đã quyết định không cho Pháp trở lại Việt Nam, và muốn đặt Việt Nam một thời gian dưới sự quản lý (trusteeship) của Liên Hiệp Quốc, nhưng ông ta không có một chương trình kế hoạch gì cụ thể để chính thức hóa ý định đó. Ý định của ông chỉ được tiết lộ qua những lời tuyên bố

có tính cách tư, trong những buổi nói chuyện với những cộng sự viên thân cận mà thôi, không được ghi trên giấy tờ, chỉ thị gì cho Bộ Ngoại Giao Mỹ. Tại Hội nghị Liên Hiệp Quốc ở San Francisco vào tháng 5 năm 1945, khi chính phủ Pháp hỏi về lập trường của chính phủ Hoa Kỳ về Việt Nam, Bộ Ngoại Giao Mỹ nói không có chỉ thị gì của Tổng thống Roosevelt về việc đó. Trong khi ấy, nhân viên OSS (CIA sau này) ở Chungking, Kunming và Hà Nội vẫn viện cớ là “tiếp tục thi hành chỉ thị của Tổng thống Roosevelt” (được chuyển miệng qua tướng Donovan, Giám đốc OSS và là người thân cận của Roosevelt) không cho người Pháp vào Việt Nam, và như thế, tạo điều kiện cho ông Hồ cướp chính quyền một cách dễ dàng.

Đến tháng 8, lúc gặp de Gaulle và chấp nhận cho Pháp thay thế quân đội Trung Hoa ở Việt Nam, Truman có đủ thế và lực để đòi Pháp phải cam đoan trước Liên Hiệp Quốc là sẽ cho Việt Nam độc lập sau một thời gian nào đó, nhưng Truman cũng không nêu lên giải pháp này vì lúc đó ông ta đang phải đối đầu với Stalin ở Âu Châu và đã biết rằng Hồ Chí Minh là Cộng Sản! Nếu có một cam đoan như thế chắc chắn sẽ có rất ít người chấp nhận đường lối chiến tranh của Cộng Sản trong việc mưu cầu độc lập.

Về phía Nhật, có hai quyết định rất tai hại cho Việt Nam. Một là năm 1943, tại Hội nghị về Đông Nam Á ở Đông Kinh, chính quyền Nhật quyết định chỉ cho Nam Dương, Phi Luật Tân, Thái Lan và Miến Điện độc lập, còn Việt Nam và Mã Lai thì giữ nguyên trạng thuộc địa. Hậu quả là Phi, Nam Dương, Thái Lan, Miến Điện tuy rằng nằm trong Khối Thịnh Vượng Chung do Nhật điều khiển, nhưng họ có quyền lập chính phủ và nhất là thiết lập quân đội. Nhờ đó mà sau khi Nhật đầu hàng, họ có chính phủ vững chắc, và đặc biệt là có quân đội để dẹp tan những lực lượng Cộng Sản, đồng thời đương đầu với quân đội thực dân trở lại và đòi được quyền độc lập với sự ủng hộ quốc tế trước Liên Hiệp Quốc.

Quyết định thứ hai là tháng 3 năm 1945, sau khi đảo chính Pháp, Nhật không cho chính phủ Việt Nam có Bộ Quốc Phòng và quân đội, và không muốn ông Diệm làm Thủ Tướng. Hậu quả của quyết định này là làm cho chính quyền Bảo Đại hoàn toàn bị bó tay sau khi Nhật đầu hàng và không còn ý chí nắm quyền hành ở Việt Nam nữa.

Về những sai lầm của Pháp, đặc biệt là do sự ngớ ngẩn của Sainteny gây ra, nhiều sách đã nói đến và ai cũng biết không cần nhắc lại đây. Riêng Trung Hoa thì không có khả năng thi hành chính sách gì hữu hiệu, và quyết định phụ thuộc vào Mỹ.

Về nội bộ cũng vậy, trừ một điểm ít được đề ý:

các chính khách không Cộng Sản quá cứng rắn; điều này ít nhiều làm hỏng việc lớn. Ông Diệm bản chất rất cứng rắn. Điều này ai cũng biết. Những lãnh tụ khác, ví dụ lãnh tụ VNQDD, cũng vậy.

Cái cứng rắn của ông Diệm đã gây rất nhiều khó khăn cho ông ta, và rốt cuộc dẫn đến cái chết. Nhưng năm 1945, nó có một hậu quả khác. Vì ông nhất quyết đòi Nhật trả ngay chủ quyền về Nam Kỳ cho Việt Nam, và vì ông đòi một quy chế độc lập thực sự và hoàn toàn ngay cho Việt Nam nên Nhật không muốn cho ông làm Thủ Tướng, viện cớ là tìm ông không ra (!) và Hoàng đế Bảo Đại phải mời ông Trần Trọng Kim. Nếu ông Diệm là Thủ Tướng vào tháng 8 năm 1945 thì chắc chắn sẽ không có vụ Hoàng đế Bảo Đại thoái vị. Ông Diệm, như Soekarno ở Nam Dương, sẽ đè bẹp Cộng Sản ngay, được sự ủng hộ quốc tế, và lúc đó, ngay cả của Nga Sô; vấn đề Việt Nam sẽ được đưa ra Liên Hiệp Quốc và giải quyết mau lẹ và thỏa đáng như vấn đề Nam Dương.

Về phần VNQDD, như Sainteny kể lại trong hồi ký, *Histoire d'une paix manquée*, lúc ở Vân Nam, Sainteny tiếp xúc với đại diện của QĐĐ là ông Nguyễn Tường Tam, Sainteny rất “ngán” Nguyễn Tường Tam vì thấy ông này đòi hỏi quá gắt gao (ông dùng danh từ “farouche”) trong khi Việt Minh thì đòi hỏi rất ít. (3) Cho nên Sainteny đi lại với ông Hồ thấy dễ chịu hơn... cho đến khi ông Hồ cảm thấy mình mạnh, nghĩa là cuối năm 1949.

Trên đây chỉ đề cập một số sự kiện xảy ra ở Huế năm 1945, không đi sâu vào những gì xảy ra ở Hà Nội hoặc những nơi khác.

Dù sao, hậu quả tập hợp của những sự kiện trên là những gì xảy ra cho Việt Nam và đặc biệt cho con em xứ Huế, trong 50 năm qua có thể coi là bắt nguồn từ vài quyết định then chốt của một số nhân vật Việt Nam và quốc tế trong năm 1945.

Huế không còn là “kinh đô” của Việt Nam nữa. Nhưng may ra tinh thần và phong cách “Phú Xuân” của người dân xứ Huế sẽ còn tồn tại lâu dài.

**Ottawa, tháng 2 năm 1995**

(1) *Nhưng, theo tiết lộ của anh Trần Thuyên, năm 1947, ở Hồng Kông, H.Đ. Bảo Đại lại bỏ ý định đi Mỹ khi Mỹ sẵn sàng máy bay đưa ông đi. Lúc đó anh Trần Thuyên ở bên cạnh ông. Tôi đã đề cập đến anh Trần Thuyên trong một bài trước nói về trong trường hợp nào tôi đã gặp ông Ngô Đình Diệm (TSH, 1992).*

(2) *S.M. Bao Dai, Le Dragon d'Annam, Plon, Paris, 1980. Bản tiếng Việt: Bảo Đại, Con Rồng Việt Nam, Xuân Thu Publishing, Los Alamitos, CA, 1992.*

(3) *Jean Sainteny, Histoire d'une paix manquée, Indochine 1945-1947, Paris, Fayard, 1967 (1948).*